TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày: 08 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Hữu Nhường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 74/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Xuân T,** tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/01/1978 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đoàn Xuân T1, sinh năm 1955, con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; Vợ: Linh Thị Huyền D, sinh năm 1984 và có 01 con; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 07/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 24 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong Bản án ngày 15/01/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Xuân T:

Luật sư Hoàng Thị B – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

Bị hại: Bà Phan Thị L, sinh năm 1964/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1981/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
   Trú tại: Xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987/ có đơn đề nghị xét xử vắng.
   Trú tại: Xóm K 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: Chị Giang Thị H1, sinh năm 1990/ vắng mặt.
Trú tại: Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 15/10/2022, Đoàn Xuân T một mình điều khiển xe môtô BKS 20B1 – 042.70 từ nhà T đến nhà bà Phan Thị L (sinh năm 1964, trú tại xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) với mục đích để hỏi vay tiền. Đến nơi, T thấy lúc này nhà không đóng cổng và không có người ở nhà nên T đỗ xe môtô ở sân. T quan sát thấy cửa nhà bà L không khóa thì gọi để kiểm tra nhưng không thấy có ai ở nhà. T nảy sinh ý định vào nhà bà L trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền. T mở cửa đi vào trong nhà thấy tại vị trí sát tường gần cửa ra vào để hai túi nilong đựng chè khô, T lấy một túi chè xách ra ngoài đặt lên giá để hàng giữa xe môtô rồi tiếp tục đi xuống bếp lấy một chiếc máy bơm để tại vị trí tum đun bếp cầm ra đặt lên xe môtô. Sau đó T điều khiển xe môtô chở túi chè và máy bơm đi ra ngoài cổng gặp chị Giang Thị H1 (sinh năm 1990 cư trú cùng xóm L, xã K, huyện Đ) đang đi bộ ở đường. Chị H1 nghi ngờ T trộm cắp tài sản của gia đình bà L, nên gọi điện thoại di động cho chồng là anh Vũ Văn T nói rằng "*Thằng T T1ăn trộm chè của bà L đi rồi, gọi cho ông C bà L"*. Rồi chị H1 quay về nhà lấy xe môtô đến trại lợn ở xóm L đón và chở bà L đuổi theo nhưng không thấy T. Sau đó chị H1 chở bà L về nhà. Về đến sân nhà, bà L phát hiện có một chiếc ví rơi ở sân, kiểm tra bên trong ví thấy có 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 thẻ ngân hàng mang tên Đoàn Xuân T. Sau khi trộm được tài sản, T mang đến cửa hàng sửa chữa đồ điện gia dụng của anh Nguyễn T M (sinh năm 1981, thuộc xóm a, xã v, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) bán chiếc máy bơm với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). T tiếp tục mang túi chè đến nhà chị Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1987, trú tại xóm Ao Rôm 1, xã K, huyện Đ) thỏa thuận bán với giá 100.000đ/01kg, cân trọng lượng chè được được 12kg, chị H trả cho T số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bán máy bơm và chè được 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng), T mang đi tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 18/10/2022, anh Nguyễn Tiến M đã giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Đ 01 máy bơm nước đã mua lại của T. 12 kg chè chị H mua của T đã bán cho người khác và không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 20/10/2022 của Hội đồng ĐGTSTT hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm định giá ngày 18/10/2022, 01 chiếc máy bơm đã qua sử dụng công suất 750W có giá trị 200.000đ. Tại thời điểm định giá ngày 18/10/2022, 12kg chè khô có giá trị 1.800.000đ. Tổng trị giá tài sản T trộm cắp là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo T bồi thường dân sự. Chị Nguyễn Thị Thu H không có đề nghị gì. Anh Nguyễn Tiến M yêu cầu T trả lại số tiền 200.000đ.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) máy bơm đã qua sử dụng đã trả lại cho chủ sở hữu là bà L; 01 ví màu nâu đã qua sử dụng; 01 thẻ Căn cước công dân số 019078016548 mang tến Đoàn Xuân T do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/3/2022; 01 thẻ ngân hàng BIDV9704186930001131053 mang tên Đoàn Xuân T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 1920595835 mang tên Đoàn Xuân T.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSĐH, ngày 26/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đoàn Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 38 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Đoàn Xuân T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48-BLHS; Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo T phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến M số tiền 200.000 đồng bị cáo bán chiếc máy bơm cho anh M theo kết quả định giá. Bị hại là bà Phan Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Truy thu của bị cáo Đoàn Xuân T số tiền 1.200.000 đồng bị cáo bán 12 kg chè thu lời bất chính do phạm tội mà có; Trả lại cho bị cáo Đoàn Xuân T 01 ví màu nâu đã qua sử dụng; 01 thẻ Căn cước công dân số 019078016548 mang tến Đoàn Xuân T do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/3/2022; 01 thẻ ngân hàng BIDV 9704186930001131053 mang tên Đoàn Xuân T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 1920595835 mang tên Đoàn Xuân T vì không liên quan đến việc phạm tội.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất. Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo ở theo Viện

kiểm sát đề nghị do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn; đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng 08 giờ 00 ngày 15/10/2022, tại nhà bà Phan Thị L ở xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Đoàn Xuân T đã trộm cắp của bà L 01 máy bơm có giá trị là 200.000đ; 12 kg chè khô có giá trị là 1.800.000đ. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 2.000.000đ (hai triệu đồng đồng) mang bán lấy tiền tiêu xài.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đoàn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, biên bản định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử nhận thấy việc truy tố để xét xử đối với bị cáo Đoàn Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm".

[2]. Về hình phạt, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Đoàn Xuân T có tiền án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, do đó khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và để răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, vì vậy trong lượng hình, Hội đồng xét xử

cũng đã xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan khồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét luận cứ của người bào chữa cho bị cáo T có căn cứ chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến M số tiền 200.000 đồng bị cáo bán chiếc máy bơm cho anh M theo kết quả định giá. Bị hại là bà Phan Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về vật chứng vụ án: Truy thu của bị cáo Đoàn Xuân T số tiền 1.200.000 đồng bị cáo bán 12 kg chè thu lời bất chính do phạm tội mà có; Trả lại cho bị cáo Đoàn Xuân T 01 ví màu nâu đã qua sử dụng; 01 thẻ Căn cước công dân số 019078016548 mang tến Đoàn Xuân T do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/3/2022; 01 thẻ ngân hàng BIDV 9704186930001131053 mang tên Đoàn Xuân T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 1920595835 mang tên Đoàn Xuân T vì không liên quan đến việc phạm tội.

Đối với chiếc xe mô tô Honda WAVE, BKS 20B1 – 042.70 mà T sử dụng để đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của chị Linh Thị Huyền D (sinh năm 1984, trú tại xóm L, xã K, huyện Đ, là vợ của T), việc T sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản chị D không biết và không liên quan gì. Sau khi xảy ra sự việc chị D đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

[5]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người T hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, anh Nguyễn Tiến M, người đã mua máy bơm từ T, và chị Nguyễn Thị Thu H là người đã mua chè của T. Quá trình điều tra xác định việc anh M, chị H không biết các tài sản đã mua của T là tài sản do T trộm cắp được nên hành vi của anh M và chị H không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]**.** *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Đoàn Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đoàn Xuân T 18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **21/10/2022**.

- Áp dụng Điều 329 BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48-BLHS; Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Xuân T phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến M số tiền **200.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh M có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo không thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4]. Về vật chứng vụ án. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu của bị cáo Đoàn Xuân T số tiền 1.200.000 đồng bị cáo thu lời bất chính do phạm tội mà có.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Xuân T 01 ví màu nâu đã qua sử dụng; 01 thẻ Căn cước công dân số 019078016548 mang tến Đoàn Xuân T do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/3/2022; 01 thẻ ngân hàng BIDV 9704186930001131053 mang tên Đoàn Xuân T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 1920595835 mang tên Đoàn Xuân T.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

[3]**.** *Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Xuân T phải nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết công khai. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã K;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .